

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN

Mã số thuế: 5600128071

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



Mục lục

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY.....	1
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

30/11
INI
TƯ
/NA

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 5600128071 Ngày 05/05/2009

Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích theo Quyết định số 2134/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ngày 29 tháng 12 năm 2008. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5600128071 cấp lần đầu ngày 05 tháng 05 năm 2009 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên. Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bốn (04) lần, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ bốn (04) ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Duyên	Chủ tịch Công ty	01/12/2023
Ông Lê Văn Thi	Giám đốc	
Ông Vũ Xuân Viễn	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nhung	Kế toán trưởng	

Trụ sở

Số nhà 38, Tổ dân phố 2, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc lập – Chi nhánh Hà Nội.

396
CÔ
H H
VÂN
CHI
HÀ
XU

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích theo Quyết định số 2134/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ngày 29 tháng 12 năm 2008. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5600128071 cấp lần đầu ngày 05 tháng 05 năm 2009 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bốn (04) lần, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ bốn (04) ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.382.000.000.000 đồng (Một nghìn, ba trăm tám mươi hai tỷ đồng).

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý, bảo vệ, vận hành và khai thác các công trình thủy lợi; xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi vừa và nhỏ; Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi.

Công ty có trụ sở chính tại Số nhà 38, Tổ dân phố 2, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam.

2. Ban Điều hành

Các thành viên của Ban Điều hành trong niên độ báo cáo và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Duyên	Chủ tịch Công ty	01/12/2023
Ông Lê Văn Thi	Giám đốc	
Ông Vũ Xuân Viễn	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nhung	Kế toán trưởng	

3. Kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 08.

4. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc lập - Chi nhánh Hà Nội.

5. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN

Số nhà 38, Tổ dân phố 2, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào trong năm và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai sót khác.

6. Tuyên bố của Ban Điều hành

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính kèm theo đã được soạn lập đúng đắn, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc cùng ngày.

Phạm Văn Thi
Chịu trách nhiệm và đại diện cho Ban Điều hành,



Lê Văn Thi

Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2024

Số: 008/2024IACHN/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Điều hành
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên (“Công ty”), được lập ngày 17 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty sau ngày này. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không giúp chúng tôi xác minh được tính hiện hữu của các khoản mục này. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về tính hiện hữu của tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Chúng tôi tham chiếu đến thuyết minh số 5, 6 và 11 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm, các khoản công nợ phải thu, phải trả này chưa được đối chiếu xác nhận tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023. Các thủ tục kiểm toán của Chúng tôi cũng không giúp chúng tôi thu thập được đầy đủ bằng chứng liên quan đến tính chính xác và đầy đủ của số dư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về tính chính xác và đầy đủ của các số dư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Chúng tôi tham chiếu đến thuyết minh số 7 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm, Công ty có các khoản chi khen thưởng, phúc lợi lớn hơn mức trích quỹ, và các chi phí sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vượt mức dự phòng hàng năm. Các khoản chi này được ghi nhận trên số dư khoản phải thu khác để chờ nguồn bù đắp. Chúng tôi không có căn cứ để xác định kế hoạch bù đắp các khoản chi này, do đó không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm 2023 của Công ty..

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 10 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, giá trị còn lại của tài sản cố định khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.331.976.502.401 đồng, bao gồm giá trị còn lại của dự án kênh tại 3 hồ Cô Lôm, Hồng Sặt, Pe Luông và nghĩa trang Nậm Rồn tổng giá trị là 11.584.500.500 đồng đã được bàn giao cho Sở Lao động Thương binh và xã hội trong năm 2023. Tuy nhiên Công ty chưa ghi giảm các tài sản cố định trên và phần vốn tương ứng. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Phạm vi cuộc kiểm toán không bao gồm các công việc kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000.



TRẦN THỊ NHUNG

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

số: 5150-2020-033-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỘC LẬP

Chi nhánh Hà Nội

Ngày 17 tháng 02 năm 2024

NGUYỄN THỊ THÊU

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

số: 5795-2023-033-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU B 01 – DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.275.339.706	8.152.102.559
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	1.804.950.502	1.030.122.978
1. Tiền	111		1.804.950.502	1.030.122.978
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	4.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4	2.000.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.582.473.326	2.204.487.897
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	774.636.218	426.204.765
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	21.287.500	121.287.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.850.138.608	1.720.584.632
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	8	(63.589.000)	(63.589.000)
IV. Hàng tồn kho	140	9	840.429.564	872.813.938
1. Hàng tồn kho	141		840.429.564	872.813.938
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.486.314	44.677.746
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		47.486.314	44.677.746
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.338.974.556.053	1.339.300.754.554
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.338.971.536.053	1.339.300.754.554
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10(a)	1.333.087.861.049	1.333.416.379.550
- Nguyên giá	222		1.342.180.143.398	1.342.223.333.398
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.092.282.349)	(8.806.953.848)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10(b)	5.883.675.004	5.884.375.004
- Nguyên giá	228		5.962.669.120	5.962.669.120
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(78.994.116)	(78.294.116)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.020.000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.020.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.346.249.895.759	1.347.452.857.113

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU B 01 – DN

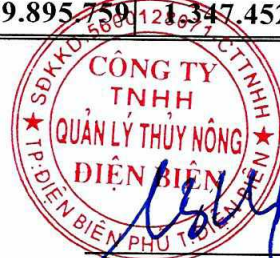
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.775.050.405	2.978.011.759
I. Nợ ngắn hạn	310		1.762.350.405	2.965.311.759
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	41.980.299	164.526.100
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.740.741	56.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	76.561.313	139.281.806
4. Phải trả người lao động	314		1.374.156.052	1.315.517.277
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	236.912.000	1.289.986.576
II. Nợ dài hạn	330		12.700.000	12.700.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		12.700.000	12.700.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.344.474.845.354	1.344.474.845.354
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.343.910.088.619	1.343.910.088.619
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	14, 15	1.343.790.571.565	1.343.790.571.565
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	15	119.517.054	119.517.054
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		564.756.735	564.756.735
1. Nguồn kinh phí	431		564.756.735	564.756.735
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.346.249.895.759	1.347.452.857.113

Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 02 năm 2024



Lê Văn Thi

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	14.294.779.756	14.446.268.974
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	16	14.294.779.756	14.446.268.974
4. Giá vốn hàng bán	11	17, 22	10.852.086.918	10.816.465.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		3.442.692.838	3.629.803.308
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	410.161.105	368.462.288
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19, 22	3.679.420.381	3.578.211.368
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		173.433.562	420.054.228
11. Thu nhập khác	31	20	4.200.000	-
12. Chi phí khác	32	20	34.200.000	362.155
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	20	(30.000.000)	(362.155)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		143.433.562	419.692.073
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	34.686.712	81.470.846
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		108.746.850	338.221.227



Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 02 năm 2024



Lê Văn Thi

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.236.166.666	14.071.844.103
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.543.156.781)	(1.816.570.185)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.362.886.197)	(8.636.347.215)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(81.470.846)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		241.460.374	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.124.852.292)	(3.152.272.617)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.634.739.076)	466.654.086
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.197.930.585)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.200.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.000.010.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		405.376.600	255.711.588
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.409.566.600	(942.218.997)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		774.827.524	(475.564.911)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3	1.030.122.978	1.505.687.889
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	3	1.804.950.502	1.030.122.978

Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 02 năm 2024

Lê Văn Thi

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1 THÔNG TIN CHUNG

Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích theo Quyết định số 2134/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ngày 29 tháng 12 năm 2008. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5600128071 cấp lần đầu ngày 05 tháng 05 năm 2009 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bốn (04) lần, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ bốn (04) ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.382.000.000.000 đồng (một nghìn ba trăm tám mươi hai tỷ đồng).

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý, bảo vệ, vận hành và khai thác các công trình thủy lợi; xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi vừa và nhỏ; Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi.

Công ty có trụ sở chính tại Số nhà 38, Tổ dân phố 2, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 132 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 138 người)

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

2.4 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các báo cáo tài chính được thể hiện bằng đồng Việt Nam (“VND”) được lập phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, có thể khác biệt ở một số phương diện trọng yếu so với các Chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở quốc gia của người đọc báo cáo.

Do đó, các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các khu vực nằm ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa các báo cáo này cũng không dự kiến phục vụ cho những đối tượng sử dụng không được thông tin về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

2.5 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty là Chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành các khoản tiền được biết trước mà không cần phải thông báo.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Điều hành đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.9 Đầu tư

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

2.10 Tài sản cố định

(i) Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hoá và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc, thiết bị	10 - 17
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 14
Tài sản cố định vô hình khác	5

Theo quy định tại thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018, các tài sản sau đây của Công ty không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước.
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Quỹ duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi được dùng để duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, không được dùng vào việc khác hoặc chuyển thành lãi của Công ty. Nếu không dùng hết được kết chuyển kinh phí sang năm sau để duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi. Tỷ lệ hoặc mức về duy tu, sửa chữa, nâng cấp được trích theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải được sử dụng để duy tu sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình tránh bị xuống cấp.

2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu là số vốn nhà nước được ghi nhận lũy kế theo các quyết định giao vốn của nhà nước tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động dịch vụ tưới nước và tiêu nước: Là khoản tiền cấp bù thủy lợi phí được miễn đã được nghiệm thu theo hợp đồng giữa Công ty và các tổ chức, cá nhân dùng nước. Tiền thu thủy lợi phí của các đối tượng không được miễn thủy lợi phí.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp công trình thủy lợi mang lại như: nuôi bắt thủy sản, cho thuê âu thuyền, kinh doanh du lịch, phát điện, cấp nước cho sản xuất công nghiệp, cấp nước sinh hoạt cho khu công nghiệp, hoặc các hoạt động kinh doanh khác.

Doanh thu khác: Là các khoản thu các khoản nợ khó đòi đã được xóa nợ nay thu hồi được, khoản thu thanh lý, nhượng bán tài sản, khoản thu do liên doanh liên kết, khoản thu do cho thuê tài chính, khoản thu về tư vấn thiết kế, xây dựng công trình và các khoản thu khác...

Doanh thu từ các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định như các khoản trợ cấp, trợ giá ... (không tính vào doanh thu các khoản: Kinh phí hỗ trợ cho đại tu, nâng cấp công trình thủy lợi, khôi phục công trình thủy lợi bị thiên tai, kinh phí hỗ trợ cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi).

2.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản điều chỉnh giảm doanh thu từ hoạt động dịch vụ tưới nước và tiêu nước theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh cho công tác tưới nước và tiêu nước cho việc hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp là chi phí cho việc nuôi trồng thủy sản, đánh bắt cá, bảo vệ, kinh doanh khác cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

2.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

2.19 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	326.570.045	377.481.373
Tiền gửi ngân hàng	1.478.380.457	652.641.605
	1.804.950.502	1.030.122.978

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc bằng 12 (mười hai) tháng tại ngân hàng Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Điện Biên với lãi suất 5,2%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	774.636.218	426.204.765
<i>Công ty TNHH Pa Khoang Điện Biên</i>	380.827.657	251.920.559
<i>Trần Văn Công</i>	158.000.000	-
<i>Đối tượng khác</i>	235.808.561	174.284.206
Bên liên quan	-	-
	774.636.218	426.204.765

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN

Số nhà 38, Tổ dân phố 2, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	21.287.500	121.287.500
<i>Công ty TNHH XD và TM Trung Dũng</i>	21.287.500	21.287.500
<i>Công ty Cổ phần TV Nam Hồng Hà</i>	-	100.000.000
Bên liên quan	-	-
	21.287.500	121.287.500

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng phải thu người lao động	495.999.920	-	367.146.385	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt	413.428.876	-	400.530.481	-
Quỹ dự phòng phải trả với các công trình sửa chữa chi vượt	812.020.571	-	828.333.827	-
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	117.545.205	-	112.750.700	-
Các khoản phải thu khác	11.144.036	-	11.823.239	-
	1.850.138.608	-	1.720.584.632	-

8 NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	63.589.000	-	(63.589.000)	63.589.000	-	(63.589.000)
<i>Ông Chính</i>	52.589.000	-	(52.589.000)	52.589.000	-	(52.589.000)
<i>Ông Lò Văn Kiều (Hồ S Lương)</i>	11.000.000	-	(11.000.000)	11.000.000	-	(11.000.000)
	63.589.000	-	(63.589.000)	63.589.000	-	(63.589.000)

9 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu tồn kho	803.602.605	-	809.424.805	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	36.826.959	-	63.389.133	-
	840.429.564	-	872.813.938	-

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN

Số nhà 38, Tổ dân phố 2, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	2.783.103.969	746.994.000	1.483.680.000	1.337.209.555.429	1.342.223.333.398
Thanh lý	(43.190.000)	-	-	-	(43.190.000)
Số cuối năm	2.739.913.969	746.994.000	1.483.680.000	1.337.209.555.429	1.342.180.143.398
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Số đầu năm	2.147.679.941	274.566.772	1.151.654.107	5.233.053.028	8.806.953.848
Khấu hao trong năm	109.290.351	74.699.400	144.528.750	-	328.518.501
Thanh lý	(43.190.000)	-	-	-	(43.190.000)
Số cuối năm	2.213.780.292	349.266.172	1.296.182.857	5.233.053.028	9.092.282.349
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	635.424.028	472.427.228	332.025.893	1.331.976.502.401	1.333.416.379.550
Số cuối năm	526.133.677	397.727.828	187.497.143	1.331.976.502.401	1.333.087.861.049

(*) Giá trị còn lại của tài sản cố định khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.331.976.502.401 đồng, bao gồm giá trị còn lại của dự án kênh tại 3 hồ Cô Lôm, Hồng Sặt, Pe Luông và nghĩa trang Nậm Rốn tổng giá trị là 11.584.500.500 đồng đã được bàn giao cho Sở Lao động Thương binh và xã hội trong năm 2023. Tuy nhiên Công ty chưa ghi giảm các tài sản cố định trên và phần vốn trong ứng.

(b) Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	5.886.475.000	76.194.120	5.962.669.120
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	5.886.475.000	76.194.120	5.962.669.120
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Số đầu năm	2.099.996	76.194.120	78.294.116
Khấu hao trong năm	700.000	-	700.000
Số cuối năm	2.799.996	76.194.120	78.994.116
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	5.884.375.004	-	5.884.375.004
Số cuối năm	5.883.675.004	-	5.883.675.004

678
ÔNG
KIẾ
N Đ
T NI
À N
I AN

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN

Số nhà 38, Tổ dân phố 2, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	41.980.299	164.526.100
Công ty TNHH Tuấn Linh tỉnh Điện Biên	10.322.807	13.824.589
Công ty TNHH Nhật Bảo Điện Biên	10.225.500	-
Đối tượng khác	21.431.992	150.701.511
Bên liên quan	-	-
	41.980.299	164.526.100

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	57.810.960	41.874.601	(57.810.960)	41.874.601
Thuế thu nhập doanh nghiệp	81.470.846	34.686.712	(81.470.846)	34.686.712
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	7.059.570	(7.059.570)	-
Các loại thuế, phí, lệ phí khác	-	42.450.000	(42.450.000)	-
	139.281.806	126.070.883	(188.791.376)	76.561.313

13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Thủy lợi phí cấp thừa	235.912.000	1.288.986.576
Các khoản khác	1.000.000	1.000.000
	236.912.000	1.289.986.576

14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ theo	Vốn đã góp tại ngày	Số góp chưa góp
		ĐKDN	31/12/2023	
		VND	VND	VND
Vốn nhà nước	100%	1.382.000.000.000	1.343.790.571.565	(38.209.428.435)
Tổng cộng	100%	1.382.000.000.000	1.343.790.571.565	(38.209.428.435)

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ THỦY NÔNG ĐIỆN BIÊN

Số nhà 38, Tổ dân phố 2, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	1.343.790.571.565	119.517.054	-	1.343.910.088.619
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	338.221.227	338.221.227
Phân phối lợi nhuận	-	-	(338.221.227)	(338.221.227)
Tại ngày 31/12/2022	1.343.790.571.565	119.517.054	-	1.343.910.088.619
Tại ngày 01/01/2023	1.343.790.571.565	119.517.054	-	1.343.910.088.619
Lãi/(Lỗ) trong năm nay	-	-	108.746.850	108.746.850
Phân phối lợi nhuận	-	-	(109.795.605)	(109.795.605)
Tăng (giảm) khác	-	-	1.048.755	1.048.755
Tại ngày 31/12/2023	1.343.790.571.565	119.517.054	-	1.343.910.088.619

16 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu từ hoạt động dịch vụ tưới tiêu nước	13.787.088.000	13.868.159.375
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp công trình thủy lợi	507.691.756	578.109.599
	14.294.779.756	14.446.268.974

Doanh thu từ hoạt động dịch vụ tưới tiêu nước ghi nhận trong năm 2023 là theo số tiền trên hồ sơ đề nghị quyết toán được Công ty tự lập dựa trên hồ sơ nghiệm thu với các đơn vị sử dụng. Tổng kinh phí miễn thủy lợi phí trong năm 2023 theo biên bản nghiệm thu với các đơn vị sử dụng là 13.787.088.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được ý kiến phê duyệt quyết toán chính thức của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên cho phần kinh phí này.

17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.852.086.918	10.816.465.666
	10.852.086.918	10.816.465.666

18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	410.161.105	368.462.288
	410.161.105	368.462.288

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Khấu hao tài sản cố định	329.218.501	331.150.084
Chi phí nhân viên	2.690.556.294	2.649.094.727
Chi phí khác bằng tiền	659.645.586	597.966.557
	3.679.420.381	3.578.211.368

20 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý tài sản	4.200.000	-
	4.200.000	-
Chi phí khác		
Các khoản chi phí khác	34.200.000	362.155
	34.200.000	362.155
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(30.000.000)	(362.155)

21 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty như sau:

Đối với thu nhập từ hoạt động tưới tiêu nước: được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo Khoản 2, Điều 8, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác khai thác công trình thủy lợi và thu nhập khác: áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần trước thuế	143.433.562	419.692.073
Ảnh hưởng do:		
<i>Các chi phí không được khấu trừ thuế</i>	30.000.000	362.155
Thu nhập chịu thuế/(Lỗ thuế)	173.433.562	420.054.228
Trong đó:		
<i>Thu nhập từ hoạt động tưới tiêu nước</i>	(744.419.299)	(526.879.814)
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thủy lợi khác và thu nhập khác</i>	917.852.861	946.934.042
Thu nhập tính thuế	173.433.562	420.054.228
Trong đó:		
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh kinh doanh thủy lợi khác và thu nhập khác</i>	173.433.562	420.054.228
Phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ (nếu có)	-	12.700.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34.686.712	81.470.846
Lợi nhuận sau thuế TNDN	108.746.850	338.221.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

22 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	180.898.953	170.865.337
Chi phí nhân công	12.066.042.171	11.342.705.331
Chi phí khấu hao TSCĐ	329.218.501	331.150.084
Dự phòng sửa chữa thường xuyên	887.782.173	1.419.900.000
Các chi phí khác bằng tiền	1.067.565.501	1.131.546.854
	14.531.507.299	14.396.167.606

23 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

24 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh theo kết quả kiểm tra báo cáo tài chính của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên.

25 PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được Giám đốc Công ty – Ông Lê Văn Thi phê duyệt vào ngày 17 tháng 02 năm 2024.



Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 02 năm 2024



Lê Văn Thi

Giám đốc